

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Viết Chấn, ông Ngô Văn Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Hoà Bình - Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2024/TLST-HS, ngày 26 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ Văn T** sinh năm 1976 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: TDP 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; tôn giáo: Không; dân tộc: kinh; trình độ học vấn: 9/12; con ông Võ Văn H và con bà Nguyễn Thị Xuân T (đều đã chết); bị cáo có vợ là Phạm Thị L, có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 13/3/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội cố ý gây thương tích, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2024 đến nay, có mặt.

- Người bị hại: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1980. Trú tại: Thôn H, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Di, sinh năm 1973. Trú tại: Tổ dân phố 16, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Nguyễn Hưng Q, sinh năm 1989. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Phạm Văn P, sinh năm 1980. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Trần Thị C, sinh năm 1960. Trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
5. Ông Trần S, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ dân phố 12, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
6. Ông Phan Văn V, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn 4, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
7. Ông Lê Văn D, sinh năm 1974. Trú tại: Tổ dân phố 16, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
8. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1991. Trú tại: Buôn G, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
9. Bà Lê Thị C, sinh năm 1963. Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
10. Ông Hoàng Quốc A, sinh năm 1971. Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
11. Ông Hoàng T, sinh năm 1988. Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
12. Bà Đặng Thị Kim N, sinh năm 1967. Trú tại: Thôn 4, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
13. Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1966. Trú tại: Thôn 2A, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
14. Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1983. Trú tại: Buôn J, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
15. Ông Ngô Đình H, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
16. Ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1987. Trú tại: Tổ dân phố 12, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
17. Bà Lê Thị B, sinh năm 1988. Trú tại: Tổ dân phố 18, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
18. Ông Lê Ngọc T, sinh năm 1969. Trú tại: Tổ dân phố 16, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
19. Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1970. Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
20. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ dân phố 12, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
21. Ông Phan Thanh S, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

22. Bà Võ Thị Thảo L, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
23. Ông Võ Thanh T, sinh năm 1975. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
24. Bà Bùi Thị T, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
25. Ông Hồ Tấn T, sinh năm 1969. Trú tại: Thôn 1, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
26. Bà Lê Thị L, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
27. Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1987. Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
28. Ông Võ Văn T, sinh năm 1972. Trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
29. Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1974. Trú tại: Tổ dân phố 11, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
30. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1974. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
31. Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1972. Trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
32. Bà Ngô Thị Mỹ H, sinh năm 1976. Trú tại: Buôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
33. Ông Trần Viết H, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
34. Ông Đặng Duy Đ, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ dân phố 9, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
35. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
36. Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1976. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
37. Ông Phan Văn D, sinh năm 1964. Trú tại: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
38. Bà Phùng Thị P, sinh năm 1981. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
39. Bà Trần Thị Kim Th, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Ngọc Th, sinh năm 1982. Trú tại: Tổ dân phố 12, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1995. Trú tại: Thôn 5, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Ông Bùi Vũ Quốc M, sinh năm 1993. Trú tại: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Ông Voòng Trung V, sinh năm 1989. Trú tại: Thôn P, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

6. Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1958. Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

7. Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1965. Trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

8. Ông Đặng Văn T, sinh năm 1981. Trú tại: Tổ dân phố 4, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

9. Ông Vũ Quang Đ, sinh năm 1987. Trú tại: Tổ dân phố 6, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

10. Bà Trịnh Thị Phương C, sinh năm 1980. Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tiếp nhận các tố giác của ông Nguyễn Đình P và bà Phùng Thị P về việc bị cáo Võ Văn T cho vay lãi nặng với lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày. Chiều ngày 29/01/2024, đồng chí Nguyễn Xuân H – Cán bộ đội Cảnh sát hình sự Công an huyện Krông Pắc gửi giấy triệu tập của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc cho bị cáo T đến làm việc về hành vi cho người khác vay lãi nặng. Tại Cơ quan điều tra Tùng thừa nhận hành vi cho người khác vay lãi nặng của mình. Ngày 29/01/2024, CQCSĐT Công an huyện Krông Pắc ra Lệnh khám xét khẩn cấp để khám xét nơi ở của T tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và tại tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K, tỉnh

Đắk Lắk. Lực lượng thi hành lệnh khám xét tại thôn T, xã E, quá trình khám xét tại nơi ở của Võ Văn T tại thôn T, xã E không phát hiện được gì nên tổ công tác tiến hành lập biên bản, quá trình khám xét này Tùng có thái độ chấp hành. Đến 18 giờ 20 phút cùng ngày, tổ công tác đưa T đến phòng trọ của T tại tổ dân phố 8, thị trấn P, huyện K để thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp. Đồng chí Trần Ngọc T đọc lệnh khám xét, sau đó giải thích quyền và nghĩa vụ của T thì T đồng ý và đưa chìa khóa cho đồng chí Q mở cửa phòng. Đồng chí Q mở cửa phòng và đi vào bật đèn điện sáng, theo sau là đồng chí H rồi đến T và những người khác. T lao vào trong phòng lấy con dao thái lan xông đến đâm về phía đồng chí H, đồng chí H đỡ được. T tiếp tục đâm liên tục về phía đồng chí H thì trúng vào tay trái và tay phải của đồng chí H. Sau đó, T bị lực lượng Công an huyện Krông Pắc bắt giữ lập biên bản phạm tội quả tang. Đồng chí Nguyễn Xuân H bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa vùng Tây Nguyên.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 161/KLTTCT-PY ngày 01 tháng 02 năm 2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Xuân H tại thời điểm giám định là: 11%.

Tại Bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số: 363/KLTTCT-PY ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Xuân H tại thời điểm giám định là: 12%.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 72/KLGD ngày 25/4/2024 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên đối với bị cáo Võ Văn T kết luận về khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi: Trước, trong, sau khi phạm tội và hiện tại Võ Văn T: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi.

Trong quá trình xác minh, điều tra, T khai biết có nhiều người có nhu cầu vay tiền nên T đã đứng ra cho họ vay tiền, T ghi tên gọi của những người vay vào quyển vở để theo dõi. T cho vay tiền dưới hình thức vay tiền “Trả góp” hàng ngày và vay tiền “Đứng”. Cách thức vay tiền “Trả góp” và tiền “Đứng” như sau: Đối với vay trả góp thì T thỏa thuận với người vay, vay một khoản tiền rồi trả góp hàng ngày bao gồm một phần tiền gốc của khoản vay và tiền lãi. Đối với vay tiền “Đứng” thì Tùng thỏa thuận với người vay, vay một khoản tiền có thời hạn, trả lãi theo thỏa thuận vào từng khoản thời gian hoặc trả lãi cùng với khoản vay gốc. Một số người vay gọi điện thoại vào số 0915957331

đề hỏi T vay tiền, T đồng ý và sử dụng xe máy biển số 47M1-996.67 (thuộc sở hữu của Võ Văn T) đi gặp người vay tiền để cho vay. Quá trình điều tra làm rõ từ khoảng năm 2020 đến tháng 1/2024 T cho 39 cá nhân vay tiền, những người vay tiền thì T ghi tên thường gọi của những người đó vào 04 quyển vở để theo dõi. Cụ thể:

1. Từ ngày 27/8/2023 đến ngày 21/01/2024 ông Nguyễn Văn D vay của T 16 lần đều có lãi suất 121,67%/năm và gấp 6,08 lần lãi suất cao nhất ngân hàng cho phép, cụ thể: tổng tiền gốc là 160.000.000 đồng, số tiền đã trả là 158.200.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 22.032.420, tổng số tiền gốc còn nợ là 28.166.667 đồng.

2. Nguyễn Hưng Q vay của T 01 lần như sau: Ngày 10/02/2023 vay số tiền 4.000.000 đồng, hình thức vay đứng, mỗi tháng phải trả 200.000 đồng, khoản vay này thỏa thuận lãi là 200.000đ/1 tháng, trong vòng 12 tháng thì đã trả được 2.400.000 đồng tiền lãi. Khoản vay này không cho vay nặng lãi. Hiện nay Qu vẫn đang n bị can T số tiền gốc.

3. Từ giữa năm 2022 đến ngày 25/01/2024 ông Phạm Văn P vay của T 13 lần đều có lãi suất 182,5%/năm và gấp 9,13 lần lãi suất cao nhất ngân hàng cho phép, cụ thể như sau: tổng tiền gốc là 65.000.000 đồng, số tiền đã trả là 60.750.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 16.250.000 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 22.500.000 đồng.

4. Từ ngày 08/3/2022 đến ngày 24/01/2024 bà Trần Thị C vay của T 30 lần đều có lãi suất 243,3%/năm và gấp 12,17 lần lãi suất cao nhất ngân hàng cho phép, cụ thể: tổng tiền gốc là 338.500.000 đồng, số tiền đã trả là 410.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 103.142.009 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 38.666.667 đồng.

5. Từ khoảng tháng 4/2020 đến ngày 24/10/2023 ông Trần S vay của T 03 lần, đều có lãi suất 109,5%/năm và gấp 5,48 lần lãi suất cao nhất ngân hàng cho phép, cụ thể: tổng tiền gốc là 20.000.000 đồng, số tiền đã trả là 34.140.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 19.931.781 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 4.000.000 đồng.

6. Từ ngày 15/3/2023 đến ngày 28/01/2024 ông Phan Văn V vay của T 11 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 75.000.000 đồng, số tiền đã trả là 65.450.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 11.794.292 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 22.333.333 đồng.

7. Từ ngày 20/8/2022 đến ngày 20/01/2024 ông Lê Văn D vay của T 27 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 180.000.000 đồng, số tiền đã trả là

198.650.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 34.320.320 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 18.333.333 đồng.

8. Từ ngày 09/5/2023 đến 24/01/2024 ông Phạm Văn T vay của T 15 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 185.000.000 đồng, số tiền đã trả là 204.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 31.178.082 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 15.000.000 đồng.

9. Từ ngày 04/12/2021 đến ngày 25/01/2024 bà Lê Thị C vay của T 73 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 219.600.000 đồng, số tiền đã trả là 247.580.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 37.746.575 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 13.600.000 đồng.

10. Từ ngày 08/8/2020 đến ngày 05/8/2023 ông Hoàng Quốc A vay của T 03 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 120.000.000 đồng, số tiền đã trả là 147.500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 122.910.959 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 55.000.000 đồng.

11. Hoàng T vay 01 lần vào tháng 10/2023 (không nhớ ngày) vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi là 1.000.000đ/tháng, trong vòng 3 tháng thì đã trả 3.000.000 đồng tiền lãi, trong đó số tiền lãi suất tối đa theo quy định là 493.151 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.506.849 đồng. Lãi suất khoản vay này 121,67%/năm và gấp 6,08 lần lãi suất tối đa theo quy định. Còn nợ số tiền gốc 10.000.000 đồng.

12. Từ ngày 22/10/2023 đến ngày 04/01/2024 bà Đặng Thị Kim N vay của T 11 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 95.000.000 đồng, số tiền đã trả là 91.650.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 14.708.333 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 19.458.333 đồng.

13. Từ ngày 12/10/2023 đến ngày 10/01/2024 bà Huỳnh Thị X vay của T 07 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 43.000.000 đồng, số tiền đã trả là 46.560.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 7.914.795 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 5.500.000 đồng.

14. Nguyễn Minh S vay của T 03 lần: Khoản vay không tính lãi và đã trả đủ.

15. Từ ngày 24/9/2023 đến ngày 26/12/2023 ông Nguyễn Đình H vay của T 16 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 100.000.000 đồng, số tiền đã trả là 78.500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 16.431.507 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 40.000.000 đồng.

16. Từ ngày 12/7/2023 đến ngày 07/12/2023 ông Nguyễn Đình P vay của T 06 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 80.000.000 đồng, số tiền đã trả

là 75.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 13.301.370 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 20.000.000 đồng.

17. Từ ngày 15/9/2023 đến ngày 18/01/2024 bà Lê Thị B vay của T 16 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 280.000.000 đồng, số tiền đã trả là 257.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 35.595.890 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 62.500.000 đồng.

18. Từ ngày 28/11/2022 đến ngày 28/11/2023 ông Lê Ngọc T vay của T 14 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 147.000.000 đồng, số tiền đã trả là 156.500.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 58.743.836 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 60.000.000 đồng.

19. Từ ngày 20/11/2020 đến ngày 22/01/2024 bà Nguyễn Thị Mỹ H vay của T 78 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 758.000.000 đồng, số tiền đã trả là 891.400.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 139.060.274 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 22.000.000 đồng.

20. Từ ngày 25/8/2023 đến ngày 26/12/2023 ông Nguyễn Văn H vay của T 06 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 50.000.000 đồng, số tiền đã trả là 73.350.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 23.526.256 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 1.666.667 đồng.

21. Từ ngày 31/01/2022 đến ngày 18/01/2024 ông Phan Thanh S vay của T 18 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 105.000.000 đồng, số tiền đã trả là 153.200.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 62.629.224 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 23.333.333 đồng.

22. Từ ngày 26/02/2023 đến ngày 14/12/2023 bà Võ Thị Thảo L vay của T 04 lần đều có lãi suất từng lần vay là 121,50% trên năm và gấp 6.08 lần lãi suất tối đa theo quy định, cụ thể: tổng tiền gốc 40.000.000 đồng, số tiền đã trả là 26.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 13.369.863 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 30.000.000 đồng.

23. Từ ngày 08/01/2021 đến ngày 14/11/2023 ông Võ Thanh T vay của T 75 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 388.250.000 đồng, số tiền đã trả là 468.800.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 83.093.288 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 10.000.000 đồng.

24. Từ ngày 20/10/2023 đến ngày 24/01/2024 bà Bùi Thị T vay của T 09 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 45.000.000 đồng, số tiền đã trả là 41.550.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 7.479.795 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 11.875.000 đồng.

25. Từ khoảng tháng 01/2020 đến ngày 07/01/2024 ông Hồ Tấn T vay của

T 25 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 220.000.000 đồng, số tiền đã trả là 243.300.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 37.558.447 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 17.666.667 đồng.

26. Từ ngày 22/07/2020 đến ngày 03/12/2023 bà Lê Thị L vay của T 24 lần đều có lãi suất từng khoản vay là 243,33%/năm và gấp 12.17 lần lãi suất tối đa theo quy định, cụ thể: tổng tiền gốc 54.000.000 đồng, số tiền đã trả là 104.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 51.397.260 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 6.000.000 đồng.

27. Từ ngày 19/10/2023 đến ngày 15/01/2024 bà Nguyễn Thị Phương L vay của T 10 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 47.000.000 đồng, số tiền đã trả là 20.320.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 5.145.890 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 32.650.000 đồng.

28. Võ Văn T vay T 13 lần: Khoản vay không tính lãi và đã trả đủ.

29. Từ ngày 15/7/2020 đến ngày 30/11/2023 ông Nguyễn Hồng K vay của T 18 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 93.500.000 đồng, số tiền đã trả là 121.200.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 23.776.712 đồng.

30. Từ ngày 04/6/2021 đến ngày 22/5/2023 bà Phạm Thị N vay của T 20 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 94.500.000 đồng, số tiền đã trả là 127.400.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 29.505.479 đồng.

31. Từ ngày 12/7/2022 đến ngày 19/01/2024 bà Nguyễn Thị Bích P vay của T 12 lần đều có lãi suất từng lần vay là 182,50% trên năm và gấp 9.13 lần lãi suất tối đa theo quy định, cụ thể: tổng tiền gốc 87.000.000 đồng, số tiền đã trả là 118.650.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 66.782.877 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 43.500.000 đồng.

32. Từ ngày 09/01/2023 đến ngày 21/01/2024 bà Ngô Thị Mỹ H vay của T 16 lần đều có lãi suất cao, cụ thể: tổng tiền gốc 140.000.000 đồng, số tiền đã trả là 136.400.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 18.547.945 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 24.000.000 đồng.

33. Từ ngày 09/7/2021 đến ngày 07/01/2024 ông Trần Viết H vay của T 04 lần, từng lần lãi suất đều là 109,50%/năm và gấp 5.47 lần lãi suất tối đa theo quy định, cụ thể: tổng tiền gốc 13.000.000 đồng, số tiền đã trả là 9.350.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.103.425 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 5.000.000 đồng.

34. Đặng Duy Đ vay của T 01 lần, cụ thể: Ngày 24/12/2023 vay 30.000.000 đồng thỏa thuận lãi là 3.000.000đ/tháng, tính đến tháng 28/1/2024 thì đã trả được 33.000.000 đồng tiền lãi. Trong đó số tiền lãi suất tối đa theo quy

định là 493.15 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.506.849 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67%/năm và gấp 6,8 lần lãi suất tối đa theo quy định. Chưa trả tiền gốc 30.000.000 đồng.

35. Nguyễn Văn M vay của T 01 lần, cụ thể: Ngày 19/10/2023 vay 4.000.000 đồng, vay đúng, mỗi tháng đóng 400.000 đồng tiền lãi. Đến thời điểm tháng 1/2024 thì đã đóng cho từng với số tiền 1.600.000 đồng tiền lãi trong đó số tiền lãi theo quy định là 263.014 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 1.336.986 đồng. Lãi suất khoản vay này là 121,67%/năm và gấp 9,08 lần lãi suất tối đa theo quy định. Chưa trả tiền gốc 4.000.000 đồng.

36. Từ tháng 6/2023 đến tháng 8/2023 ông Nguyễn Ngọc K vay của T 03 lần, từng lần lãi suất đều là 109,50%/năm và gấp 5,48 lần lãi suất tối đa theo quy định, cụ thể: tổng tiền gốc 5.000.000 đồng, số tiền đã trả là 2.610.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.133.288 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 5.000.000 đồng.

37. Phan Văn D vay của T 01 lần, cụ thể: Ngày 10/11/2023, vay số tiền 1.000.000 đồng, trả góp trong 40 ngày, mỗi ngày phải đóng 30.000 đồng tiền gốc và lãi. Khoản vay này đã trả 1.200.000 đồng thì trong đó số tiền gốc là 1.000.000 đồng, số tiền lãi theo quy định là 16.438 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 183.562 đồng. Lãi suất khoản vay này là 243,33%/năm và gấp 12.17 lần lãi suất tối đa theo quy định.

38. Từ ngày 31/10/2023 đến ngày 17/01/2024 bà Phùng Thị P vay của T 08 lần, từng lần đều có lãi suất là 243,33% trên năm và gấp 12.17 lần lãi suất tối đa theo quy định, cụ thể: tổng tiền gốc 85.000.000 đồng, số tiền đã trả là 71.000.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 10.860.731 đồng, tổng số tiền gốc còn nợ là 25.833.333 đồng.

39. Trần Thị Kim T vay của T 01 lần, cụ thể: Lãi suất khoản vay này là 243,33%/năm và gấp 12.17 lần lãi suất tối đa theo quy định. tiền gốc 5.000.000 đồng, số tiền đã trả là 5.200.000 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 795.434 đồng, số tiền gốc còn nợ là 666.667 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 39/CT-VKS-HS ngày 26/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Võ Văn T về tội Cố ý gây thương tích, theo quy định tại điểm a, k khoản 1; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận tại phiên tòa: Phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và khẳng định hành vi của Võ Văn T đã phạm tội Cố ý gây thương tích và tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; đồng thời phân tích các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a, k khoản 1; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, q khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s, q khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Xuân H, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao, kích thước (20x2,5)cm, 01 sim điện thoại số 0915.957.331 là công cụ phạm tội.

Tịch thu, sung công quỹ một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A01 Core màu đen, là công cụ, phương tiện phạm tội.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc đang tạm giữ để phục vụ công tác thi hành án.

Quá trình điều tra xác định số tiền bị cáo Võ Văn T dùng để cho 39 người vay với số tiền 4.600.350.000 đồng (trong đó cho vay không lấy lãi và cho vay không nặng lãi là 222.000.000 đồng), còn lại 4.378.350.000 đồng bị cáo cho vay với lãi suất cao và đã thu về 4.875.410.000 đồng tiền gốc và tiền lãi. Tiền thu lợi bất chính là 1.129.302.603 đồng. Tuy nhiên còn 698.250.000 đồng tiền vay gốc chưa thu được của những người vay. Do vậy, cần truy thu của bị cáo Võ Văn T tổng số tiền 3.746.107.397 đồng là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Võ Văn T phải trả lại tổng số tiền 1.129.302.603 đồng là tiền đã thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (tiền lãi suất vượt quy định) cụ thể trả cho: Nguyễn Văn D: 22.032.420 đồng; Phạm Văn P:

16.250.000 đồng; Trần Thị C: 103.142.009 đồng; Trần S: 19.931.781 đồng ; Phan Văn V: 11.794.292 đồng; Lê Văn D: 34.320.320 đồng; Phạm Văn T: 31.178.082 đồng; Lê Thị C: 37.746.575 đồng; Hoàng Quốc A: 122.910.959 đồng; Hoàng T: 2.506.849 đồng; Đặng Thị Kim N: 14.708.333 đồng; Huỳnh Thị X: 7.914.795 đồng; Ngô Đình H: 16.431.507 đồng; Nguyễn Đình P: 13.301.370 đồng; Lê Thị B: 35.595.890 đồng; Lê Ngọc T: 58.743.836 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H: 139.060.274 đồng; Nguyễn Văn H: 23.526.256 đồng; Phan Thanh S: 62.629.224 đồng; Võ Thị Thảo L: 13.369.863 đồng; Võ Thanh T: 83.093.288 đồng; Bùi Thị T: 7.479.795 đồng; Hồ Tấn T: 37.558.447 đồng; Lê Thị L: 51.397.260 đồng; Nguyễn Thị Phương L: 5.145.890 đồng; Nguyễn Hồng K: 23.776.712 đồng; Phạm Thị N: 29.505.479 đồng; Nguyễn Thị Bích P: 66.782.877 đồng; Ngô Thị Mỹ H: 18.547.945 đồng; Trần Viết H: 1.103.425 đồng; Đặng Duy Đ: 2.506.849 đồng; Nguyễn Văn M: 1.336.986 đồng; Nguyễn Ngọc K: 2.133.288 đồng; Phan Văn D: 183.562 đồng; Phùng Thị P: 10.860.731 đồng; Trần Thị Kim T: 795.434 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) phải nộp số tiền (tiền còn nợ bị cáo Tùng) để nộp vào ngân sách nhà nước, cụ thể: Nguyễn Văn D: 28.166.667 đồng; Phạm Văn P: 22.500.000 đồng; Trần Thị C: 38.666.667 đồng; Trần S : 4.000.000 đồng; Phan Văn V: 22.333.333 đồng; Lê Văn D: 18.333.333 đồng; Phạm Văn T: 15.000.000 đồng; Lê Thị C: 13.600.000 đồng; Hoàng Quốc A: 55.000.000 đồng; Hoàng T: 10.000.000 đồng; Đặng Thị Kim N: 19.458.333 đồng; Huỳnh Thị X: 5.500.000 đồng; Ngô Đình H: 40.000.000 đồng; Nguyễn Đình P: 20.000.000 đồng; Lê Thị B: 62.500.000 đồng; Lê Ngọc T: 60.000.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H: 22.000.000 đồng; Nguyễn Văn H: 1.666.667 đồng; Phan Thanh S: 23.333.333 đồng; Võ Thị Thảo L: 30.000.000 đồng; Võ Thanh T: 10.000.000 đồng; Bùi Thị T: 11.875.000 đồng; Hồ Tấn T 17.666.667 đồng; Lê Thị L: 6.000.000 đồng; Nguyễn Thị Phương L: 32.650.000 đồng; Nguyễn Thị Bích P: 43.500.000 đồng; Ngô Thị Mỹ H: 24.000.000 đồng; Trần Viết H: 5.000.000 đồng; Nguyễn Văn M: 4.000.000 đồng; Nguyễn Ngọc K: 5.000.000 đồng; Phùng Thị P: 25.833.333 đồng; Trần Thị Kim T: 666.667 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố bị cáo. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị

cáo; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, q khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của người bào chữa và không tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của bị Võ văn T đã phạm vào tội cố ý gây thương tích, theo quy định tại điểm a, k khoản 1; điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự và tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 134 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

k) Đối với người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

đ, Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người bị hại, xâm phạm đến trật tự, quản lý kinh tế của Nhà nước trong hoạt động tín dụng, xâm phạm đến lợi ích của cá nhân, làm ảnh hưởng đến trật tự tại địa phương. Do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi nên bị cáo đã cho người khác vay tiền với mức lãi suất cao nhằm mục đích thu lợi bất chính. Bị cáo nhận thức được sức khỏe con người được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều bị xử lý, nhưng khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc tiến hành thực hiện Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của bị cáo thì Nguyễn Xuân H bị bị cáo dùng dao đâm trúng vào 02 tay gây thương tích 12% sức khỏe.

Bị cáo là người có nhân thân xấu, ngày 13/3/2018, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 tháng tù về tội cố ý gây thương tích, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học mà lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại và được bị hại làm đơn bãi nại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b,

s, q khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng đối với bị cáo để xem xét khi áp dụng hình phạt.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Võ Văn T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Xuân H, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[4] Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao, kích thước (20x2,5)cm, 01 sim điện thoại số 0915.957.331 là công cụ phạm tội.

Tịch thu, sung công quỹ một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A01 Core màu đen, là công cụ, phương tiện phạm tội.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc đang tạm giữ để phục vụ công tác thi hành án.

Quá trình điều tra xác định số tiền bị cáo Võ Văn T dùng để cho 39 người vay với số tiền 4.600.350.000 đồng (trong đó cho vay không lấy lãi và cho vay không nặng lãi là 222.000.000 đồng), còn lại 4.378.350.000 đồng bị cáo cho vay với lãi suất cao và đã thu về 4.875.410.000 đồng tiền gốc và tiền lãi. Tiền thu lợi bất chính là 1.129.302.603 đồng. Tuy nhiên còn 698.250.000 đồng tiền vay gốc chưa thu được của những người vay. Do vậy, cần truy thu của bị cáo Võ Văn T tổng số tiền 3.746.107.397 đồng là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo Võ Văn T phải trả lại tổng số tiền 1.129.302.603 đồng là tiền đã thu lợi bất chính từ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (tiền lãi suất vượt quy định) cụ thể trả cho: Nguyễn Văn D: 22.032.420 đồng; Phạm Văn P: 16.250.000 đồng; Trần Thị C: 103.142.009 đồng; Trần S: 19.931.781 đồng ; Phan Văn V: 11.794.292 đồng; Lê Văn D: 34.320.320 đồng; Phạm Văn T: 31.178.082 đồng; Lê Thị C: 37.746.575 đồng; Hoàng Quốc A: 122.910.959 đồng; Hoàng T: 2.506.849 đồng; Đặng Thị Kim N: 14.708.333 đồng; Huỳnh Thị X: 7.914.795 đồng; Ngô Đình H: 16.431.507 đồng; Nguyễn Đình P: 13.301.370 đồng; Lê Thị B: 35.595.890 đồng; Lê Ngọc T: 58.743.836 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H: 139.060.274 đồng; Nguyễn Văn H: 23.526.256 đồng; Phan Thanh S: 62.629.224 đồng; Võ Thị Thảo L: 13.369.863 đồng; Võ Thanh T: 83.093.288 đồng; Bùi Thị T: 7.479.795 đồng; Hồ Tấn T: 37.558.447 đồng; Lê Thị L: 51.397.260 đồng; Nguyễn Thị Phương L: 5.145.890 đồng; Nguyễn Hồng K: 23.776.712 đồng; Phạm Thị N: 29.505.479 đồng; Nguyễn Thị Bích P: 66.782.877 đồng; Ngô Thị Mỹ H: 18.547.945 đồng; Trần Viết H: 1.103.425 đồng; Đặng Duy Đ: 2.506.849 đồng; Nguyễn Văn M: 1.336.986 đồng; Nguyễn

Ngọc K: 2.133.288 đồng; Phan Văn D: 183.562 đồng; Phùng Thị P: 10.860.731 đồng; Trần Thị Kim T: 795.434 đồng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) phải nộp số tiền (tiền còn nợ bị cáo Tùng) để nộp vào ngân sách nhà nước, cụ thể: Nguyễn Văn D: 28.166.667 đồng; Phạm Văn P: 22.500.000 đồng; Trần Thị C: 38.666.667 đồng; Trần S: 4.000.000 đồng; Phan Văn V: 22.333.333 đồng; Lê Văn D: 18.333.333 đồng; Phạm Văn T: 15.000.000 đồng; Lê Thị C: 13.600.000 đồng; Hoàng Quốc A: 55.000.000 đồng; Hoàng T: 10.000.000 đồng; Đặng Thị Kim N: 19.458.333 đồng; Huỳnh Thị X: 5.500.000 đồng; Ngô Đình H: 40.000.000 đồng; Nguyễn Đình P: 20.000.000 đồng; Lê Thị B: 62.500.000 đồng; Lê Ngọc T: 60.000.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H: 22.000.000 đồng; Nguyễn Văn H: 1.666.667 đồng; Phan Thanh S: 23.333.333 đồng; Võ Thị Thảo L: 30.000.000 đồng; Võ Thanh T: 10.000.000 đồng; Bùi Thị T: 11.875.000 đồng; Hồ Tấn T: 17.666.667 đồng; Lê Thị L: 6.000.000 đồng; Nguyễn Thị Phương L: 32.650.000 đồng; Nguyễn Thị Bích P: 43.500.000 đồng; Ngô Thị Mỹ H: 24.000.000 đồng; Trần Viết H: 5.000.000 đồng; Nguyễn Văn M: 4.000.000 đồng; Nguyễn Ngọc K: 5.000.000 đồng; Phùng Thị P: 25.833.333 đồng; Trần Thị Kim T: 666.667 đồng.

Đối với những người vay tên Cu anh Phước An, Nhỏ Nhỏ bán nước, Sơn thôn tư, Bình xe Hoàng Phát, Tín xe Quý Thảo, Trung Thôn ba con Châu, Sang xe Hoàng Phát, Quý Thảo, Út mắm, Tí xe Thuận An, Dũng thôn ba, chị bé gà, Châu Văn Viên, Quảng quệ, Vui Châu Méo, Mẹ Mạnh, Trung nông trường, Tân em rẻ, Sơn vịt Mai đô, Vi em Mạnh trái cây, Con nhôm nhựa, Hạ Hốp, Bích mì trộn, Tạo Hòa Tiên, Ti sầu Riêng, Chí nệ, Ninh nông Trường, Ba Gà, Bi bốn, Đô, Beo bé gù, Phúc Hoàng xa, Con Beo Thôn 3, Ka Thôn 4, Sang con Lâm, Gì Nương, Khánh xe, Cu con nhả, Ba chúc Kà nia, Linh xe Hoàng Phát, Đào Què, Phú Quế, bánh mì thôn ba, Liêm, Su su, Hạnh tây, Chồng em thưng, Sáu xe bồn phúc, Lân xe, Thành ba hà, chị Hiếu bún vợ mình, Vinh nông trường, Tuấn bom, Linh nông trường, Hòa, Trung nông trường, Đoàn xe, Ba chúc buôn kơ nia, Thành ma tí, Bình bánh xèo 76, anh bạn đường nghĩa địa, chị Hạnh sáu nhảy, Quyền thôn tư, Trương thợ rèn, Nam Huệ hót tóc, bạn của gì sin thôn ba, bạn gì sin, bạn trai gì sin, Hoa, Hoa thể, Hùng, Hùng hót tóc, Nhí, Quốc, cút thôn tư, Vũ tộc, Vũ tạo, gái ba xị, cháu của gái, con của gái, gái dâu bà xị, con gái bà sĩ, Mạnh điếc, rún, Hà hiệp nông trường, chị Minh sáu đồn, gì thương bà kẹo, gì thương, ba xị, mai đô, vợ chồng vi vịt quay, quệ cá, Lịnh thư, Hà năm cuột, Lai lịch, Tèo, Ba gà, Tài, Châu đi xe bòm, Dũng râu hòa an, Long khóa, Vinh lép,

lộc méo được viết trong 04 quyển sổ (vở học sinh) của T, Cơ quan điều tra đã thu giữ. Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân lai lịch của những người này nên tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về tội danh truy tố và ý kiến luận tội đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với pháp luật, nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ điểm a, k khoản 1; điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s, q khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Văn T 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm s, q khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Võ Văn T 09 (chín) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Võ Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam, ngày 29/01/2024.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo Võ Văn T đã tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Xuân H, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[3] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền số tiền 3.746.107.397 đồng là tiền bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Buộc bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể trả cho: Nguyễn Văn D: 22.032.420 đồng; Phạm Văn P: 16.250.000 đồng; Trần Thị C: 103.142.009 đồng; Trần S: 19.931.781 đồng ; Phan Văn V: 11.794.292 đồng; Lê Văn D: 34.320.320 đồng; Phạm Văn T: 31.178.082 đồng; Lê Thị C: 37.746.575 đồng; Hoàng Quốc A: 122.910.959 đồng; Hoàng T: 2.506.849 đồng; Đặng Thị Kim N: 14.708.333 đồng; Huỳnh Thị X: 7.914.795 đồng; Ngô Đình H: 16.431.507 đồng; Nguyễn

Đình P: 13.301.370 đồng; Lê Thị B: 35.595.890 đồng; Lê Ngọc T: 58.743.836 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H: 139.060.274 đồng; Nguyễn Văn H: 23.526.256 đồng; Phan Thanh S: 62.629.224 đồng; Võ Thị Thảo L: 13.369.863 đồng; Võ Thanh T: 83.093.288 đồng; Bùi Thị Th: 7.479.795 đồng; Hồ Tấn T: 37.558.447 đồng; Lê Thị L: 51.397.260 đồng; Nguyễn Thị Phương L: 5.145.890 đồng; Nguyễn Hồng K: 23.776.712 đồng; Phạm Thị N: 29.505.479 đồng; Nguyễn Thị Bích P: 66.782.877 đồng; Ngô Thị Mỹ H: 18.547.945 đồng; Trần Viết H: 1.103.425 đồng; Đặng Duy Đ: 2.506.849 đồng; Nguyễn Văn M: 1.336.986 đồng; Nguyễn Ngọc K: 2.133.288 đồng; Phan Văn D: 183.562 đồng; Phùng Thị P: 10.860.731 đồng; Trần Thị Kim T: 795.434 đồng.

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người đã vay tiền của bị cáo phải nộp số tiền nợ gốc đã vay của bị cáo nhưng chưa trả cho bị cáo, để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau: Nguyễn Văn D: 28.166.667 đồng; Phạm Văn P: 22.500.000 đồng; Trần Thị C: 38.666.667 đồng; Trần S: 4.000.000 đồng; Phan Văn V: 22.333.333 đồng; Lê Văn D: 18.333.333 đồng; Phạm Văn T: 15.000.000 đồng; Lê Thị C: 13.600.000 đồng; Hoàng Quốc A: 55.000.000 đồng; Hoàng T: 10.000.000 đồng; Đặng Thị Kim N: 19.458.333 đồng; Huỳnh Thị X: 5.500.000 đồng; Ngô Đình H: 40.000.000 đồng; Nguyễn Đình P: 20.000.000 đồng; Lê Thị B: 62.500.000 đồng; Lê Ngọc T: 60.000.000 đồng; Nguyễn Thị Mỹ H: 22.000.000 đồng; Nguyễn Văn H: 1.666.667 đồng; Phan Thanh S: 23.333.333 đồng; Võ Thị Thảo L: 30.000.000 đồng; Võ Thanh T: 10.000.000 đồng; Bùi Thị T: 11.875.000 đồng; Hồ Tấn T: 17.666.667 đồng; Lê Thị L: 6.000.000 đồng; Nguyễn Thị Phương L: 32.650.000 đồng; Nguyễn Thị Bích P: 43.500.000 đồng; Ngô Thị Mỹ H: 24.000.000 đồng; Trần Viết H: 5.000.000 đồng; Nguyễn Văn M: 4.000.000 đồng; Nguyễn Ngọc K: 5.000.000 đồng; Phùng Thị P: 25.833.333 đồng; Trần Thị Kim Th: 666.667 đồng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao, kích thước (20x2,5)cm, 01 sim điện thoại số 0915.957.331 là công cụ phạm tội.

Tịch thu, sung công quỹ một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A01 Core màu đen, là công cụ, phương tiện phạm tội.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000 đồng mà Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc đang tạm giữ để phục vụ công tác thi hành án.

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 04 cuốn sổ bên trong có ghi các chữ số và chữ viết, 62 tờ lịch bên trên có ghi các chữ số và chữ viết và 01 tờ giấy kê ô ly bên trên có ghi các chữ số và chữ viết ghi các nội dung cho vay tiền của bị cáo T được lưu theo hồ sơ vụ án.

[4] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

Buộc bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- T.H.A.H.S CA huyện Krông Pắc;
- CQ CSĐT CA huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- Đương sự;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Huyền Trang